

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 40/2017/HSST

Ngày 12-12-2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Khắc Long; Nơi công tác: Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

2. Bà Hoàng Thị Hòa; Nơi công tác: Trường Tiểu học xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Vù - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn K; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 24/5/1977 tại tỉnh T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T P, C N, thành phố T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị B, hiện đang sinh sống tại T P, C N, thành phố T, tỉnh T; Bị cáo sống chung với chị Nguyễn Thị C không có đăng ký kết hôn từ 05/2016 tại thôn 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Gia đình bị cáo có bốn anh, chị em bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền sự, tiền án: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/10/1983; Tại tỉnh H Nơi cư trú: Thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị C, có vợ là Lê Thị Thu H hiện đang sinh sống tại thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; Gia đình bị cáo có ba anh, chị em bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Có một tiền án về tội “Đánh bạc, Ngày 21/11/2014 bị Tòa

án nhân dân huyện N xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ; Tiền sự: Có một tiền sự: Tháng 02/2017 bị Công an huyện Ngọc Hồi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị C; Nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Lưu Thị L; Nơi cư trú: Thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Đặng Văn K và Nguyễn Văn S bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đặng Văn K và Nguyễn Văn S cùng là người nghiện ma túy và có quen biết nhau, sáng ngày 20/6/2017 K có nhu cầu mua ma túy sử dụng nên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1- 455.32 đi từ huyện Đ đến nhà của Nguyễn Văn S tại thôn 6, thị trấn P, huyện N với dự định rủ S đi mua ma túy về sử dụng, K gặp S và hỏi “*Có lấy về chơi không*” thì S hiểu ý là rủ mua ma túy về sử dụng chung nên đồng ý và đưa cho K 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), trước đây K có nghe một số người nói ở đoạn đường ngã tư thị trấn P có một người bán hàng rong cao khoảng 1,5 mét, dáng người mập có bán hêrôin nên đến tìm mua, sau khi tìm kiếm, K thấy một người phụ nữ lạ có đặc điểm giống như trên đang ở đoạn đường ngã tư Hùng Vương - Nguyễn Sinh Sắc, K lại gần nói “*Có hàng trắng không*” người phụ nữ đáp “có” K nói “lấy cho bốn trăm” và lấy 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đưa cho người phụ nữ đó và nhận của người này bốn gói giấy nhỏ (tép) bên trong có chứa Hêrôin, sau đó K quay lại nhà S với mục đích cùng với S sử dụng chung nhưng do S bận đang bắt đường điện trong nhà nên K không sử dụng chung ma túy với S nữa mà đưa cho S hai gói hêrôin, K cầm trên tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về hướng huyện Đ, lúc này khoảng 08 giờ 30 phút, khi đi đến đoạn đường Hùng Vương qua tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N thì bị Công an huyện N dừng xe kiểm tra hành chính phát hiện K đang cầm trên tay hai gói hêrôin nên đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ tang vật, đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nhà

Nguyễn Văn S tại thôn 6, thị trấn P, huyện N phát hiện hai gói hêrôin ở bên trong lỗ gạch xây trên tường của phòng ngủ mà S đã cất giấu.

Tại bản kết luận giám định số 34, 35 ngày 22/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận:

Hai gói giấy màu trắng chứa chất rắn dạng cục, bột do Công an huyện N thu giữ lúc bắt quả tang Đặng Văn K có thành phần Hêrôin tổng trọng lượng là 0,162 gam;

Hai gói giấy màu trắng chứa chất rắn dạng cục, bột do Công an huyện N thu giữ lúc khám xét nhà ở của Nguyễn Văn S có thành phần Hêrôin tổng trọng lượng là 0,138 gam.

Tổng số hê rô in mà Đặng Văn K và Nguyễn Văn S tàng trữ trái phép là 0,3 gam hêrôin.

Vật chứng của vụ án: Công an huyện N đã tạm giữ những vật chứng sau:

- Tạm giữ của Đặng Văn K: Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh bạc, Biển kiểm soát 82B1 - 455.32; Một giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị C; Một Giấy chứng minh nhân dân số 090797692 mang tên Đặng Văn K; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung Dous màu trắng đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung Dous màu đen.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn S: Một Giấy chứng minh nhân dân số 233175013 mang tên Nguyễn Văn S; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung duos, model SM - G530 màu xám đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu FPT màu xám đã qua sử dụng; 41.200.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

* Quá trình điều tra Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị C một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh bạc, Biển kiểm soát 82B1 - 455.32, kèm theo một giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị C. Trả lại cho bà Lưu Thị L số tiền 41.200.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số: 34/KSĐT - MT ngày 11/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử đối với các bị cáo Đặng Văn K, Nguyễn Văn S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Văn K từ 12 đến 18 tháng tù;

Áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 18 đến 24 tháng tù.

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn K: Một Giấy chứng minh nhân dân số 090797692 mang tên Đặng Văn K; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung Dous màu đen; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung Dous màu trắng đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S: Một Giấy chứng minh nhân dân số 233175013 mang tên Nguyễn Văn S; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung duos, model SM - G530 màu xám đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu FPT màu xám đã qua sử dụng;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của các bị cáo khai tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các biên bản: Phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, niêm phong và kết luận giám định số: 34, 35 ngày 22/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K đã thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép 0.162 gam hêrôin của bị cáo Đặng Văn K và 0,138 gam hêrôin của Nguyễn Văn S đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” đối với bị cáo Nguyễn Văn S quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. *(Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi phạm tội của các bị cáo được áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm nhẹ hơn mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 từ 02 năm đến 07 năm).*

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước, vì tính chất nguy hại của ma túy đối với con người,

đối với xã hội, do đó Nhà nước nghiêm cấm mọi cá nhân “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thông qua các phương tiện truyền thông, các bị cáo biết rõ tác hại và nguy hiểm của ma túy không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người mà là nguyên nhân trực tiếp gây ra các loại tội phạm, các bệnh xã hội và các tệ nạn xã hội khác, hiểm họa của ma túy gây bức xúc, mất trật tự trị an, ảnh hưởng trực tiếp đến nòi giống con người, trong khi Nhà nước và toàn xã hội đang ra sức đấu tranh, ngăn chặn loại tội phạm này và có nhiều hình thức phổ biến, tuyên truyền về tác hại của ma túy để mọi người biết rõ tác hại của ma túy đối với xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý phạm tội, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe đối với loại tội phạm này, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Xét về nhân thân:

Bị cáo K chưa có tiền án, tiền sự gì; Bị cáo S có một tiền án về tội đánh bạc. Tại Bản án số 34/2014/HSST ngày 21/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát nhận được Quyết định Thi hành án (ngày giao Quyết định Thi hành án 25/01/2015). Đến ngày phạm tội mới 20/6/2017 bị cáo đã chấp hành được 28 tháng 25 ngày án cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ của Bản án trước bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, tổng cộng bị cáo đã chấp hành được 29 tháng 22 ngày án cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ bị cáo chưa chấp hành là 06 tháng 08 ngày (36 tháng – 29 tháng 22 ngày). Theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Sẵn phải chịu hình phạt đối với tội mới sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước là 06 tháng 08 ngày tương đương 02 tháng 02 ngày tù và quyết định hình phạt chung. Một tiền sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 13/02/2017 bị Công an huyện N xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng; Có các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu; Thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo S có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Một tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình.

* Về xử lý vật chứng:

- Một bì thư được niêm phong, bên ngoài có ghi “Công an tỉnh K, Phòng PC54, Số 34 KLGD, các dấu tròn có nội dung; “Phòng kỹ thuật hình sự *Công an tỉnh K” và các chữ ký của Nguyễn Hàn N (là mẫu vật ma túy được hoàn trả lại sau khi giám định).

- Một bì thư được niêm phong, bên ngoài có ghi “Công an tỉnh K, Phòng PC54, Số 35 KLGD, các dấu tròn có nội dung; “Phòng kỹ thuật hình sự *Công an tỉnh K” và các chữ ký của Nguyễn Hàn N (là mẫu vaattjma túy được hoàn trả lại sau khi giám định).

Xét thấy đây là vật cấm lưu hành không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Năm chiếc điện thoại di động mà cơ quan Điều tra tạm giữ của các bị cáo Đặng Văn K, Nguyễn Văn S, xét đây là phương tiện của các bị cáo không dùng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra đã chứng minh đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với người phụ nữ lạ mặt bán hêrôin cho Đặng Văn K (K không biết tên, tuổi, địa chỉ). Cơ quan điều tra đã xác minh để làm rõ hành vi của người này nhưng không có kết quả, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Biển kiểm soát 82B1 - 455.32, kèm theo một giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị C mà cơ quan Điều tra tạm giữ của bị cáo K. Quá trình điều tra cơ quan Điều tra đã chứng minh, khi bị cáo K lấy xe đi làm phương tiện phạm tội, chị C hoàn toàn không biết nên đã trả lại xe kèm theo đăng ký xe mô tô cho chị C là đúng quy định của pháp luật nên tòa không xét.

- Đối với số tiền 41.200.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) cơ quan Điều tra tạm giữ khi khám xét nhà của bị cáo S. Quá trình điều tra cơ quan Điều tra đã chứng minh số tiền này là tài sản hợp pháp của gia đình bà Lưu Thị L không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo S, nên đã trả lại cho bà L là đúng quy định của pháp luật nên tòa không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn K, Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn K, Nguyễn Văn S phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” .

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn K 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 18 (Mười tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án, buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chấp hành hình phạt chung là 20 (Hai mươi) tháng 02 (Hai) ngày tù. Trong đó bản án số: 40/HSST ngày 12/12/2017 là 18 (Mười tám) tháng tù; Bản án số: 34/2014/HSST ngày 21/11/2014 là 02 (Hai) tháng 02 (Hai) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/6/2017 .

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Một bì thư được niêm phong, bên ngoài có ghi “Công an tỉnh K, Phòng PC54, Số 34 KLGD; Một bì thư được niêm phong, bên ngoài có ghi “Công an tỉnh K Phòng PC54, Số 35 KLGD, các dấu tròn có nội dung; “Phòng kỹ

thuật hình sự *Công an tỉnh K” và các chữ ký của Nguyễn Hàn N (là mẫu vật ma túy được hoàn trả lại sau khi giám định).

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn K: Một giấy chứng minh nhân dân số 090797692 mang tên Đặng Văn K; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung Dous màu đen; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung Dous màu trắng đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S: Một giấy chứng minh nhân dân số 233175013 mang tên Nguyễn Văn S; Một điện thoại di động hiệu Sam Sung duos, model SM - G530 màu xám đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; Một điện thoại di động hiệu FPT màu xám đã qua sử dụng;

Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện N, tỉnh K.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đặng Văn K, Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 231, 234 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/12/2017. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu HS vụ án./.

Nguyễn Bá Khen